

**TỔNG CÔNG TY
THUỐC LÁ VIỆT NAM**
MST:0101216069
Số: 257/BC-TLVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm 2016-2018

*(Phục vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước
theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015)*

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm 2016-2018

a) Thuận lợi, khó khăn - các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình SXKD của Tổng công ty

Giai đoạn 2016-2018 là thời điểm kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng, nhưng hoạt động SXKD sản phẩm thuốc lá trên thế giới tiếp tục gặp khó khăn, có xu hướng giảm khi tiếp tục được kiểm soát tiêu dùng chặt chẽ. Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo và điều hành môi trường vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp giúp nền kinh tế phát triển ổn định và thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Doanh nghiệp bắt đầu thực hiện thang bảng lương mới theo Thông tư 17/2015/BLĐTBXH, quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Tuy nhiên, đối với ngành thuốc lá, hoạt động SXKD còn nhiều khó khăn, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt và suất tính phí đóng góp Quỹ Phòng, chống tác hại của Thuốc lá trong năm 2016 tăng dẫn đến giá bán thuốc lá điều phải được điều chỉnh tăng tương ứng. Các hoạt động tuyên truyền phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) tiếp tục diễn ra mạnh mẽ ảnh hưởng đến thói quen tiêu dùng và góp phần giảm cầu thuốc lá xã hội. Giá một số nguyên phụ liệu chính sản xuất thuốc lá (*nguyên liệu lá thuốc lá, bao bì giấy, carton..*) đã và có xu hướng tiếp tục tăng.

Mặc dù Bộ luật Hình sự sửa đổi số 12/2017/QH14 có hiệu lực từ năm 2018 đã quy định cụ thể việc xử lý hình sự đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điều nhập lậu, hoạt động buôn bán thuốc lá lậu tại một số địa phương vẫn còn diễn biến phức tạp.

Cơ cấu sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung cấp phù hợp với xu hướng tiêu dùng. Một số sản phẩm thuốc lá điện tử, sản phẩm giảm thiểu tác hại và thay thế thuốc lá đã được bán tự do, rộng rãi trên thị trường nhưng chưa được quản lý sẽ gây thất thoát ngân sách Nhà nước và ảnh hưởng đến người tiêu dùng, hoạt động của ngành.

Hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá của các đơn vị nguyên liệu trong Tổng công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Vùng nguyên liệu nội địa đang bị thu hẹp do xu hướng sử dụng nguyên liệu của các đơn vị thuốc điều, chi phí đầu vào, công lao động tăng, sự cạnh tranh của các loại cây trồng khác trên cùng địa bàn. Ngoài ra, công tác đầu tư vùng trồng tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các cơ quan chính quyền địa phương chưa có các biện pháp hậu kiểm cấp phép chặt chẽ các doanh nghiệp được cấp phép đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, thiếu chế tài xử phạt, ngăn chặn tình

ang tranh mua tại các vùng trồng để đảm bảo cho các doanh nghiệp đầu tư thu hồi sản phẩm nguyên liệu, yên tâm đầu tư phát triển vùng trồng.

Hoạt động xuất khẩu của Tổng công ty cũng gặp khó khăn do xu hướng kiểm soát tiêu dùng trên thế giới ngày càng chặt chẽ, đồng thời một số khách hàng chủ lực tiếp tục chuyển dịch sản xuất xuất khẩu ra ngoài Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhiều chính sách quản lý liên quan đến Ngành Thuốc lá cũng được xem xét sửa đổi, bổ sung trong năm qua, gồm: Nghị định về hóa đơn thay thế Nghị định 51/2010/NĐ-CP (trong đó có quy định về tem thuế thuốc lá); Dự thảo Luật sửa đổi (trong đó có quy định sửa đổi cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt); Thông tư thay thế Thông tư 21/2013/TT-BCT về hướng dẫn thi hành Nghị định 67/2013/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi Nghị định 67 về quản lý SXKD thuốc lá.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 09/2018/NQ-CP của Chính phủ về thành lập Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban), theo đó Ủy ban đã tiếp nhận quản lý Tổng công ty từ Bộ Công Thương. Từ tháng 11/2018, quyền đại diện chủ sở hữu các Tập đoàn, Tổng công ty do Bộ Công Thương làm chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã được bàn giao sang Ủy ban, trong đó có Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

b) Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 03 năm 2016-2018 (Biểu số 01 đính kèm).

c) Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm 03 năm 2016-2018

• Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn

- Theo các Quyết định của Bộ Công Thương số 0359/QĐ-BCT ngày 20/1/2009, Quyết định số 4111/QĐ-BCT ngày 16/8/2011, Quyết định 6636/QĐ-BCT ngày 13/9/2013 và Quyết định số 2170/QĐ-BCT ngày 30/5/2016, tổng nhu cầu vốn đầu tư cho Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn: 1.803.201.648.201 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất và bán nhà xưởng sau khi di dời.

- Số lượng dự án thành phần: 7 dự án.

Tên dự án thành phần	Nhu cầu vốn đầu tư được Bộ Công Thương phê duyệt (đồng)	Tình hình thực hiện
1. Dự án đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn	653.968.984.500	Đã hoàn thành kiểm toán, đang thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
2. Dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi 6 tấn/giờ	359.627.006.435	Đã phê duyệt quyết toán dự án
3. Dự án đầu tư dây chuyền cuốn điều và dây chuyền đóng bao	302.464.071.868	Đã phê duyệt quyết toán dự án
4. Dự án đầu tư chiều sâu phân xưởng sợi	93.857.000.000	Đang thực hiện kiểm toán, quyết toán dự án
5. Dự án đầu tư dây chuyền cuốn	150.958.451.021	Đang trình Ủy ban quản lý

Tên dự án thành phần	Nhu cầu vốn đầu tư được Bộ Công Thương phê duyệt (đồng)	Tình hình thực hiện
điều và đóng bao, qui cách demi slim phục vụ sản xuất xuất khẩu (tốc độ cuốn điều: 8.000 điều/phút, tốc độ đóng bao 350 bao/phút.		vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt chủ trương đầu tư công.
6. Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ cho kho nguyên liệu và kho thành phẩm	155.516.728.000	Đã đấu thầu gói thầu chính của dự án. Dự kiến tháng 9/2019 đưa vào lắp đặt.
7. Dự án đầu tư hệ thống xử lý mùi cho phân xưởng sợi 6 tấn/giờ	29.835.631.000	Đã phê duyệt quyết toán dự án
8. Dự phòng phí	56.973.775.377	
Tổng nhu cầu vốn đầu tư	1.803.201.648.201	

• *Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long*

Bộ Công Thương đã phê duyệt Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long trong Quyết định số 2541/QĐ-BCT ngày 28/5/2009, Quyết định điều chỉnh số 4954/QĐ-BCT ngày 21/12/2016, Quyết định số 3413/QĐ-BCT ngày 21/9/2018 gồm 3 dự án thành phần với tổng nhu cầu vốn là: 1.522.939.059.000 đồng.

Tên dự án	Nhu cầu vốn đầu tư được Bộ Công Thương phê duyệt (đồng)	Tình hình thực hiện
1. Đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long	615.544.544.000	Đã triển khai thực hiện các gói thầu xây lắp và thiết bị phụ trợ, cơ bản hoàn thành trong năm 2019.
2. Đầu tư dây chuyền chế biến sợi 6 tấn/giờ	879.273.519.000	Đang thực hiện lắp đặt dây chuyền thiết bị. Dự án hoàn thành trong Quý IV/2019.
3. Đầu tư hệ thống xử lý mùi cho Phân xưởng sợi	58.120.996.000	Công ty Thuốc lá Thăng Long đã phê duyệt dự án đầu tư, đang thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm căn cứ tổ chức đấu thầu. Dự án thực hiện đầu tư và hoàn thành trong năm 2019.
Tổng cộng	1.552.939.059.000	

✓ **Kết quả đạt được và những khó khăn trong đầu tư, xây dựng cơ bản**

• *Những kết quả đạt được*

- Đầu tư, đổi mới, nâng cấp, hiện đại hóa thiết bị công nghệ hàng năm, đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư để thực hiện di dời các nhà máy sản xuất ra khỏi trung tâm thành phố theo qui định của nhà nước.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - Công nghệ mới trong ngành công nghiệp thuốc lá trên thế giới vào các lĩnh vực sản xuất nguyên phụ liệu và thuốc lá điếu của Tổng công ty.

- Xây dựng cơ sở vật chất làm việc, nhà xưởng kho tàng có quy mô công nghiệp, từng bước hiện đại hóa hoạt động xuất nhập nguyên phụ liệu, thành phẩm phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Bảo đảm 100% các công trình xây dựng, hệ thống máy móc thiết bị đầu tư đạt chất lượng, tiến độ, an toàn, phát huy 100% công suất sử dụng sau đầu tư.

• *Những khó khăn, vướng mắc trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản*

- Một số đơn vị thiếu vốn đầu tư nên chưa mạnh dạn thực hiện đầu tư đổi mới dây chuyền thiết bị hiện đại, công suất cao để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm và tìm kiếm các thị trường xuất khẩu.

- Tiến độ giải ngân và quyết toán các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách còn chậm do thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư theo đúng qui định dài hơn dự kiến. Thủ tục trình phê duyệt chủ trương, điều chỉnh dự án theo Luật Đầu tư công khá phức tạp.

- Năng lực một số nhà thầu tư vấn còn hạn chế; một số dự án phải phê duyệt điều chỉnh, phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Công tác đấu thầu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá kéo dài do quá trình lựa chọn nhà thầu phức tạp hơn dự kiến.

- Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất tại 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội khó khăn, kéo dài ảnh hưởng đến bố trí nguồn vốn đầu tư từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi 6 tấn/giờ của Công ty Thuốc lá Thăng Long.

d) Triển vọng và kế hoạch trong những năm tiếp theo

Mục tiêu, định hướng hoạt động:

- Tiếp tục phát huy vai trò dẫn đạo của Tổng công ty trong Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam và toàn ngành thuốc lá về SXKD thuốc lá và thực hiện chính sách định hướng phát triển ngành của Nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty. Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị theo hướng hiệu quả và tiên tiến, từng bước áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của Công ty mẹ - Tổng công ty phù hợp cơ chế quản lý của Ủy ban.

- Đảm bảo và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV toàn Tổng công ty, thực hiện tốt công tác an sinh và trách nhiệm xã hội.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

a) Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ và tình hình đầu tư vào các công ty này (*Biểu số 02 đính kèm*).

b) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này

- Tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh về tổng thể có sự ổn định, tăng trưởng và hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước cũng như với các đối tác kinh doanh, thu nhập và đời sống của người lao động được đảm bảo. / *ML*

Nơi nhận:

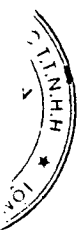
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công Thương;
- Cục Phát triển Doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT;
- Vụ Tài chính và ĐMDN - Bộ Công Thương;
- Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp;
- Hội đồng Thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm soát viên TCT;
- P.TCKT, P.TCNS, P.ĐT, P.ĐN, VPHĐTV;
- Lưu: VT, KTKH.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



lua

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Hồ Lê Nghĩa**



**MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU
03 NĂM 2016-2018**

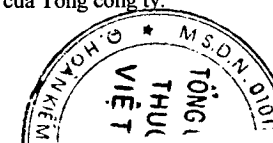
(Đính kèm Công văn số: 257 /BC-TLVN ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện 03 năm				Tốc độ tăng trưởng BQ 2016-2018 (%)	Ước thực hiện năm 2019
			Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện 03 năm 2016-2018		
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất							
	- Thuốc lá điếu	Triệu bao	3.597	3.786	4.118	11.501	7,0	3.760
	- Bánh kẹo	Tấn	38.751	3.238	2.960	44.949	-72,4	-
2	Tổng doanh thu (số liệu tổng hợp soát xét)	Tỷ đồng	26.698	25.681	26.407	78.786	-0,5	24.859
	Tổng doanh thu (số liệu hợp nhất)	"	19.753	20.355	20.634	60.742	2,2	20.000
3	Lợi nhuận trước thuế (số liệu tổng hợp soát xét)	Tỷ đồng	1.367	2.007	1.500	4.874	4,7	1.478
	Lợi nhuận trước thuế (số liệu hợp nhất)	"	1.535	1.998	1.523	5.056	-0,4	1.470
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9.755	10.930	11.035	31.719	6,4	11.627
5	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	187	178	199	564	3,2	182
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	303	516	767	1.586	59,2	808
	- Nguồn ngân sách	"	14	45	7	66	-28,0	47
	- Vốn vay	"	122	102	5	228	-79,7	63
	- Vốn doanh nghiệp	"	167	370	755	1.292	112,5	698
7	Tổng lao động	Người	12.738	8.300	8.151	29.189	-20,0	7.708
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	1.692	1.515	1.460	4.667	-7,1	1.398
	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	44	59	56	159	13,2	54
	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1.648	1.457	1.403	4.508	-7,7	1.343

Ghi chú:

- Số liệu năm 2017 và 2018 không bao gồm số liệu của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà và Thực phẩm Hữu Nghị do Tổng công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại các đơn vị này trong giai đoạn đầu năm 2017 theo chủ trương của Chính phủ và Bộ Công Thương

- Số liệu năm 2019 không bao gồm số liệu Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki do Tổng công ty dự kiến hoàn thành thoái vốn tại đơn vị này trong năm 2019 theo chủ trương của Nhà nước và không bao gồm số liệu Công ty TNHH MTV Nguyễn Du do đang tạm ngưng hoạt động để triển khai xây dựng trụ sở làm việc của Tổng công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

(Ban hành kèm theo Công văn: /BC-TLVN ngày tháng 5 năm 2019 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Dự kiến thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)	4.333,90		3.992,50	4.364,41		4.418,45				4.364,41		4.418,45
1	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn	2.661,93	100%	2.661,93	2.692,45	100%	2.692,45	2.692,45	100%	2.692,45	2.692,45	100%	2.692,45
2	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Thăng Long	1.589,95	100%	1.197,20	1.589,95	100%	1.589,95	1.589,95	100%	1.589,95	1.589,95	100%	1.589,95
3	Cty TNHH 1 TV Nguyễn Du	44,01	100%	98,05	44,01	100%	98,05	44,01	100%	98,05	44,01	100%	98,05
4	Viện Thuốc lá	38,00	100%	35,31	38,00	100%	38,00	38,00	100%	38,00	38,00	100%	38,00
5	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Long An												
6	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Bến Tre												
7	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Thanh Hóa												
8	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Bắc Sơn												
9	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Cửu Long												
10	Cty TNHH 1 TV Thuốc lá Đà Nẵng												
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)	1.030,80		622,07	673,39		375,07				804,43		441,90
II.1	Công ty con cổ phần	729,00		476,55	371,59		229,56				502,63		296,39
1	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	157,41	51%	99,54									
2	Công ty CP Hoà Việt	128,53	76%	88,72	128,53	76%	88,72	128,53	76%	88,72	128,53	76%	88,72
3	Công ty CP Cát Lợi	131,04	51%	66,83	131,04	51%	66,83	262,08	51%	133,66	262,08	51%	133,66
4	Công ty CP Ngân Sơn	112,02	58%	74,00	112,02	58%	74,00	112,02	58%	74,00	112,02	58%	74,00
5	Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị	200,00	52%	147,45									
II.2	Công ty con TNHH	301,80		145,51	301,80		145,51				301,80		145,51
1	Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	50,00	51%	25,50	50,00	51%	25,50	50,00	51%	25,50	50,00	51%	25,50
2	Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	68,00	51%	19,42	68,00	51%	19,42	68,00	51%	19,42	68,00	51%	19,42
3	Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	44,74	70%	29,63	44,74	70%	29,63	44,74	70%	29,63	44,74	70%	29,63
4	Công ty TNHH Liên doanh VINA - BAT	139,06	51%	70,97	139,06	51%	70,97	139,06	51%	70,97	139,06	51%	70,97

